

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện thân xe-207708

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (15%)	Đ 2 (15%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154022	BÙI NGỌC AN	DH120T	An	9	7.0	3	4.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154223	LÊ CÔNG TUẤN	DH120T	Anh	10	9	1	3.6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154034	TRẦN TUẤN	DH120T	Anh	9	5	3.7	4.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154037	TRẦN THIÊN ẮN	DH120T	Anh	10	7.5	8.85	8.8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154026	VÕ QUANG BÌNH	DH120T	Anh	10	7.0	0.5	2.9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154225	LÊ MINH CƯỜNG	DH120T	Anh	10	7.5	6.5	7.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154039	TRẦN TIẾN DŨNG	DH120T	Anh	10	7.25	2.75	4.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154063	BÙI THÀNH DUY	DH120T	Anh	10	8	4.5	5.9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154062	ĐỖ VĂN DUY	DH120T	Anh	9	7.75	0.5	2.9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154059	NGUYỄN HOÀNG DUY	DH120T	Anh	10	7.5	4.25	5.6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154060	NGUYỄN THÁI DUY	DH120T	Anh	10	7.75	9.5	9.3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154067	NGUYỄN MINH DƯƠNG	DH120T	Anh	10	5	2.25	3.8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154002	ĐOÀN MÃN ĐẠT	DH120T	Anh	10	8	3	4.8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154075	NGUYỄN TẮT ĐẠT	DH120T	Anh	10	8.25	2.3	4.3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154058	PHẠM TRỌNG ĐẠT	DH120T	Anh	9	8	1.6	3.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154205	NGÔ HỒ ĐIỆP	DH120T	Anh	10	7.75	6.55	7.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154226	KIỀU VĂN HẠN	DH120T	Anh	10	5	5.95	6.4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154227	HỒ THANH HẬU	DH120T	Anh	10	7.75	9.05	9.0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện thân xe-207708

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (45%)	Đ 2 (45%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154112	NGUYỄN CÔNG HẬU	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8.25	3.5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154092	NGUYỄN ĐỨC HIỀN	DH120T	<i>[Signature]</i>		9	8.25	4.5	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154229	HỒ VĂN HIỂN	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8	9.5	9.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154104	ĐẶNG NGỌC HÒA	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8	9.4	9.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154222	LÊ QUANG HÒA	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8	7.25	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154082	NGUYỄN THANH HÒA	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	7.5	0	2.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154032	CAO VĂN HOAN	DH120T	<i>[Signature]</i>		9	7	1	3.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154102	TRẦN TUẤN HOÀNG	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	7	2	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154123	VÕ THANH HÙNG	DH120T	<i>[Signature]</i>		9	8.5	0	2.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154107	HỒ CÔNG HUY	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	7.75	4.5	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154086	HUYỀN MINH HUY	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8	5.95	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154231	THÁI XUÂN HUY	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	5	2.25	3.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154015	NGUYỄN THIÊN KHÁI	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8.5	4.5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154066	TRẦN CÔNG KHANG	DH120T	<i>[Signature]</i>		8	8.25	0.5	2.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154120	BÙI NGỌC KHOA	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	5	4.7	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154119	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH120T	<i>[Signature]</i>		9	8.5	5.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12154143	LƯU TẤN KIẾT	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8	4.35	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12154249	PHAN THÀNH LÂM	DH120T	<i>[Signature]</i>		9	8	6.05	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện thân xe-207708

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (15%)	Đ 2 (15%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	12154237	NGUYỄN CHÁNH LÂN	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8.25	2	4.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12154128	ĐOÀN XUÂN LỘC	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	7.75	1.8	3.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12154142	NGUYỄN DOÃN LỘC	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8	1	3.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12154259	TRẦN KIM LỘC	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	7.75	2.5	4.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12154240	NGUYỄN THANH LƯƠNG	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8	4.1	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11154045	CHU DỨC MINH	DH110T	<i>[Signature]</i>		9	5	0	2.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12154113	LÊ ĐẠI NGHĨA	DH120T	<i>[Signature]</i>		9	5	3	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12154070	VŨ HỮU NGHĨA	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8.25	9.2	9.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12154146	PHAN TRỌNG NHÂM	DH120T	<i>[Signature]</i>		9	8	1.5	3.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12154138	MAI THÀNH NHÂN	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8.5	2.75	4.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12154152	NGUYỄN TẤN PHÁT	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8	6.6	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12154122	NGUYỄN XUÂN PHONG	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	7.75	6.5	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12115150	PHẠM CÔNG PHÚ	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	5	3.55	4.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12154163	ĐÀO THANH PHƯỚC	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	7.5	9.7	9.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12154167	NGUYỄN VĂN QUÁ	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8	5.75	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12154247	NGUYỄN CHÁNH QUANG	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	7.75	1	3.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12154164	TRẦN XUÂN QUANG	DH120T	<i>[Signature]</i>		9	5	0.5	2.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12154206	PHẠM HÙNG QUYẾN	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8	5.7	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện thân xe-207708

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (15%)	Đ 2 (15%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	12154089	NGUYỄN VĂN SANG	DH120T			10	8	5.4	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12154172	TRẦN VĂN SĨ	DH120T			10	8.25	5.5	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12154109	TRẦN QUỐC SƠN	DH120T			10	7.75	6	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12154236	TRỊNH THANH SƠN	DH120T			10	8	5.75	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12154083	LÊ THANH TÂM	DH120T			10	8	9.75	9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12154132	NGUYỄN MINH TÂN	DH120T			10	8	2	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12154133	NGUYỄN MINH TÂN	DH120T			9	8	3.5	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12154134	PHAN DUY THANH	DH120T			10	8	9.85	9.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12154180	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH120T			10	8.5	4	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12154179	TRẦN TRUNG THÀNH	DH120T			10	5	4.2	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12154182	PHAN DUY THẨM	DH120T			7	5	0	1.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12154021	TRẦN VĂN THẮNG	DH120T			10	8	2	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12154186	LÊ QUÝ THIỆU	DH120T			10	8.75	6.25	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12154187	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH120T			10	8	3.25	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12154192	TRẦN VĂN TIỀN	DH120T			10	8	9.55	9.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12154193	VÕ MẠNH TÍNH	DH120T			9	8	4.5	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12154198	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH120T			10	8.25	6.1	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12154197	TRẦN NGỌC TOÀN	DH120T			10	8.25	2	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện thân xe-207708

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (5%)	Đ 2 (5%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
73	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	7.75	0.5	3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỜNG	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	8	4.9	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	12154154	KIM THANH TUẤN	DH120T	<i>[Signature]</i>		9	8.25	2.5	4.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	12154208	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	DH120T			8	0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	12154158	NGUYỄN VŨ VĂN TUỆ	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	5	9.15	8.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	12154011	LÊ PHÚ TÙNG	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	5	5.75	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	12154013	LÝ KIM XÀI	DH120T	<i>[Signature]</i>		10	5	5.3	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
Phạm Minh Chiến

[Signature]
Chị Hồng Xuân

[Signature]
Nguyễn Thanh Nguyễn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện thân xe-207708

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi CT202 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (15%)	Đ 2 (15%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH120T	<i>Anh</i>		10	8	5.75	6.73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154127	HỒ BẢO ANH	DH120T	<i>Bảo Anh</i>		10	7.5	7.1	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154076	NGUYỄN LÊ TÚ ANH	DH120T	<i>Tú Anh</i>		10	8	9.25	9.18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154030	LÊ QUỐC BẢO	DH120T	<i>Quốc Bảo</i>		9	8.5	3	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154083	PHAN VĂN CHÂU	DH130T	<i>Châu</i>		9	0	0	1.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154190	TRẦN VĂN CHÍNH	DH120T	<i>Chánh</i>		10	7.5	4.5	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC CHÍNH	DH120T	<i>Chánh</i>		9	8.5	4	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154050	QUẢNG THIÊN CHƯƠNG	DH120T	<i>Thiên Chương</i>		10	8.25	9.6	9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154069	BÙI THÀNH ĐÀO	DH120T	<i>Thành Đào</i>		10	8	6.85	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH120T	<i>Hồng Đạt</i>		10	7.75	8.65	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154056	LÂM HỮU ĐẠT	DH120T	<i>Hữu Đạt</i>		7	0	0	1.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	DH120T	<i>Phương Đông</i>		9	8	4.75	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154008	HÀ XUÂN ĐƯƠNG	DH100T	<i>Xuân Dương</i>		10	10	4.2	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154003	ĐẶNG VĂN ỨT EM	DH120T	<i>Văn Ứt</i>		10	7.75	6.25	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154004	HỒ ĐỨC HẠNH	DH120T	<i>Đức Hạnh</i>		10	8.25	4.75	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154005	LÊ TẤN HOÀN	DH120T	<i>Tấn Hoàn</i>		10	7.75	9.2	9.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154023	NGUYỄN THANH MINH HOÀNG	DH130T	<i>Thanh Hoàng</i>		8	7.75	4.7	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154110	TRẦN DUY HÙNG	DH120T	<i>Duy Hùng</i>		9	8.25	8.55	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện thân xe-207708

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi CT202 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (15%)	Đ 2 (15%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154118	NGUYỄN BÌNH KHÁNH	DH120T	BK		10	7.75	9.15	9.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154016	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH120T	DK		10	7.8	9.8	9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154232	NGUYỄN VIỆT LÃM	DH120T	ly		10	7.75	6	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154166	ĐÌNH VĂN LỢI	DH120T	DL		10	8.5	9.55	9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154144	TRẦN XUÂN NGỌC	DH120T	Ngc		10	8	9.2	9.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154147	PHẠM HUỖNH ĐẠT	DH120T	PD		9	8.5	2.25	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10154089	THÁI SINH NHẬT	DH100T	SN		10	10	1.85	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11154041	VŨ ĐÌNH NHINH	DH110T	DN		10	5	9.05	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10154029	NGUYỄN VŨ AN NINH	DH100T	AN		10	10	5.25	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154194	NGUYỄN HỮU PHÚC	DH120T	HP		10	8	6.4	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154020	HUỖNH THANH PHÚNG	DH120T	HT		10	7.5	2	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154090	TRẦN HỮU PHƯƠNG	DH120T	PH		10	7.75	8.15	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	DH120T	DQ		10	5	6.2	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154008	NGUYỄN CHÚC QUYỀN	DH120T	QC		10	8.5	3	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154171	TRƯƠNG MINH SANG	DH120T	TM		10	7.8	8.15	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154173	LÊ VĂN SƠN	DH120T	LV		10	8.5	6.5	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10154035	HỒ THÁI DANH SỸ	DH100T	HS		10	10	2.15	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10154041	ĐỖ TẤN THÁI	DH100T	DT		10	10	2.05	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện thân xe-207708

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi CT202 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (45%)	Đ 2 (45%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	12154178	PHAN QUỐC THÁI	DH120T			8	8	0	2.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11154058	LÊ VĂN THÁNH	DH110T			10	5	5	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	10154040	HUỖNH THẢO	DH100T			10	10	3.65	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12154177	NGUYỄN THÀNH THUẬN	DH120T			10	5	1.75	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12154204	VẠN NGỌC TÌNH	DH120T			9	8	6.15	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12154018	NGUYỄN VĂN TRẠNG	DH120T			10	8	4.5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12154124	TRƯƠNG THANH TRƯỜNG	DH120T			10	7.25	4.5	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12154065	ĐINH LÊ HOÀNG TUẤN	DH120T			9	8	6.35	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 02 Hiện diện: 42

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chi Hong Xuan

Le Quang Ba

Chi Hong Xuan

Nguyen Trinh Nguyen

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật mô tô và xe máy-207711

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12118009	TRẦN TUẤN AN	DH12CK	<i>Am</i>			3	3,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154223	LÊ CÔNG TUẤN ANH	DH12OT	<i>Anh</i>			3	1,2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154037	TRẦN THIÊN ẮN	DH12OT	<i>Ắn</i>			3,5	5,7	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154050	QUẢNG THIÊN CHƯƠNG	DH12OT	<i>Thư</i>			3,5	5,4	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154062	ĐỖ VĂN DUY	DH12OT	<i>Duy</i>			2,5	3	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154060	NGUYỄN THÁI DUY	DH12OT	<i>Đ.Đ.</i>			3,5	5,4	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154069	BÙI THÀNH ĐÁO	DH12OT	<i>Đ.Đ.</i>			3,5	4,2	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH12OT	<i>Đ.Đ.</i>			3	4,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154205	NGÔ HỒ ĐIẾP	DH12OT	<i>Đ.Đ.</i>			3	3,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	DH12OT	<i>Đ.Đ.</i>			3,5	4,2	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154227	HỒ THANH HẬU	DH12OT	<i>Đ.Đ.</i>			3	3	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154112	NGUYỄN CÔNG HẬU	DH12OT	<i>Đ.Đ.</i>			3	1,2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154229	HỒ VĂN HIẾN	DH12OT	<i>Đ.Đ.</i>			3,5	5,1	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154104	ĐẶNG NGỌC HÒA	DH12OT	<i>Đ.Đ.</i>			3,5	4,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154082	NGUYỄN THANH HÒA	DH12OT	<i>Đ.Đ.</i>			2,5	0,6	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154007	ĐẶNG MINH HOÀNG	DH11OT	<i>Đ.Đ.</i>			2,5	0,6	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154110	TRẦN DUY HÙNG	DH12OT	<i>Đ.Đ.</i>			3,5	5,1	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154107	HỒ CÔNG HUY	DH12OT	<i>Đ.Đ.</i>			3	3,3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật mô tô và xe máy-207711

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154015	NGUYỄN THIÊN KHAI	DH120T	<i>zuo</i>			2,5	2,7	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12154232	NGUYỄN VIỆT LÂM	DH120T	<i>wy</i>			2,5	1,2	3,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12154128	ĐOÀN XUÂN LỘC	DH120T	<i>luc</i>			3,5	3,6	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12154239	NGUYỄN VĂN LUẬN	DH120T						✓	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Kh
Lê Văn Xích

luc
Đoàn Xuân Lộc

hauk
Bùi Công Hào

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật mô tô và xe máy-207711

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD302 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154138	MAI THÀNH NHÂN	DH120T	<i>nhân</i>			3	2,7	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154147	PHẠM HUỠNH ĐẠT	DH120T	<i>Đạt</i>			3,5	3,3	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115150	PHẠM CÔNG PHÚ	DH120T	<i>Phú</i>			3	1,8	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154164	TRẦN XUÂN QUANG	DH120T	<i>Quang</i>			2,5	1,8	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	DH120T	<i>Quý</i>			3	1,8	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154008	NGUYỄN CHÚC QUYÊN	DH120T	<i>Quyên</i>			2,5	1,2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154206	PHẠM HÙNG QUYÊN	DH120T	<i>Quyên</i>			2,5	1,2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154089	NGUYỄN VĂN SANG	DH120T	<i>Sang</i>			3	2,4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154172	TRẦN VĂN SĨ	DH120T	<i>Sĩ</i>			3	4,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154173	LÊ VĂN SƠN	DH120T	<i>Sơn</i>			3	2,7	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154083	LÊ THANH TÂM	DH120T	<i>Thanh Tâm</i>			3	4,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH TÂN	DH110T	<i>Khánh Tân</i>			3	3,3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154132	NGUYỄN MINH TÂN	DH120T	<i>Tân</i>			3,5	3,9	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154133	NGUYỄN MINH TÂN	DH120T	<i>Tân</i>			2	1,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154179	TRẦN TRUNG THÀNH	DH120T	<i>Thành</i>			3,5	5,4	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154040	HUỠNH THẢO	DH100T	<i>Thảo</i>			0	1,2	1,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154182	PHAN DUY THẨM	DH120T	<i>Thẩm</i>			3	1,8	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154204	VĂN NGỌC TÌNH	DH120T	<i>Tình</i>			3	5,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật mô tô và xe máy-207711

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD302 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154193	VÕ MẠNH TÍNH	DH120T				3	2,4	5,4	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154197	TRẦN NGOC TOÀN	DH120T				3	1,2	4,2	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12118006	NGUYỄN VĂN TRỌNG	DH120X				3	4,2	7,2	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11154053	HUỶNH THANH TÙNG	DH110T				3	1,5	4,5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: : 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật mô tô và xe máy-207711

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD303 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154022	BÙI NGỌC AN	DH12OT	An			3,5	4,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334001	VÕ NGỌC AN	CD13CI	An			3,5	3,6	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH12OT	Anh			3	3,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154127	HỒ BẢO ANH	DH12OT	Anh			3,5	4,2	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154076	NGUYỄN LÊ TÚ ANH	DH12OT	Anh			3,5	4,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154030	LÊ QUỐC BẢO	DH12OT	Bao			2,5	1,8	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154026	VÕ QUANG BÌNH	DH12OT	Binh			2,5	3,3	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154190	TRẦN VĂN CHÍNH	DH12OT	Chinh			3	3	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC CHÍNH	DH12OT	Chinh			2	1,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154052	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH12OT	Cong			3,5	4,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154057	VÕ THÀNH CÔNG	DH10OT	Cong			2,5	1,2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154225	LÊ MINH CƯỜNG	DH12OT	Cuong			3,5	3,3	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154039	TRẦN TIẾN DŨNG	DH12OT	Dung			3,5	3,6	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154063	BÙI THÀNH DUY	DH12OT	Duy			3	3	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12118019	HỒ TẤN DUY	DH12CX	Duy			0	1,8	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154059	NGUYỄN HOÀNG DUY	DH12OT	Duy			2	1,2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154002	ĐOÀN MÃN ĐẠT	DH12OT	Dat			3	5,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154058	PHẠM TRỌNG ĐẠT	DH12OT	Dat			2,5	3	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật mô tô và xe máy-207711

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD303 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12118104	TRẦN ĐỨC	GIÁP	DH12CK	<i>Trần Đức</i>		3	5,7	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154226	KIỀU VÂN	HẬN	DH12OT	<i>Kiều Vân</i>		3,5	5,4	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154092	NGUYỄN ĐỨC	HIỆN	DH12OT	<i>Nguyễn Đức</i>		3,5	4,8	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154032	CAO VĂN	HOAN	DH12OT					V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154005	LÊ TẤN	HOÀN	DH12OT	<i>Lê Tấn</i>		2,5	5,4	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154086	HUYỀN MINH	HUY	DH12OT	<i>Huyền Minh</i>		3,5	3	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154066	TRẦN CÔNG	KHANG	DH12OT	<i>Trần Công</i>		2	3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 01 Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chị Hồng Liên

Kiên v Đức

Trần Công Khang

Trần Công Khang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật mô tô và xe máy-207711

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD304 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154016	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH120T	<i>[Signature]</i>			3,5	4,9	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154120	BÙI NGỌC KHOA	DH120T	<i>[Signature]</i>			2,5	4,8	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154237	NGUYỄN CHÁNH LÂN	DH120T	<i>[Signature]</i>			3	2,1	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154113	LÊ ĐẠI NGHĨA	DH120T	<i>[Signature]</i>			3	1,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154152	NGUYỄN TẤN PHÁT	DH120T	<i>[Signature]</i>			3,5	6	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154122	NGUYỄN XUÂN PHONG	DH120T	<i>[Signature]</i>			3,5	5,1	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154194	NGUYỄN HỮU PHÚC	DH120T	<i>[Signature]</i>			3	4,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154020	HUỖNH THANH PHÙNG	DH120T	<i>[Signature]</i>			2,5	1,5	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154163	ĐÀO THANH PHƯỚC	DH120T	<i>[Signature]</i>			3	3	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154247	NGUYỄN CHÁNH QUANG	DH120T	<i>[Signature]</i>			3	3	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154171	TRƯƠNG MINH SANG	DH120T	<i>[Signature]</i>			3	3,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154236	TRỊNH THANH SƠN	DH120T	<i>[Signature]</i>			3,5	4,2	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154134	PHAN DUY THANH	DH120T	<i>[Signature]</i>			3,5	4,2	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154180	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH120T	<i>[Signature]</i>			3,5	5,1	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154187	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH120T	<i>[Signature]</i>			2,5	1,8	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154192	TRẦN VĂN TIỀN	DH120T	<i>[Signature]</i>			3	4,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154198	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH120T	<i>[Signature]</i>			2	1,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH120T	<i>[Signature]</i>			3	3	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật mô tô và xe máy-207711

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD304 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154018	NGUYỄN VĂN TRẠNG	DH120T	<i>Trang</i>			3,3	3,3	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỜNG	DH120T	<i>Truong</i>			3	5,1	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12154065	ĐINH LÊ HOÀNG TUẤN	DH120T	<i>Ha</i>			3,5	5,1	8,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12154154	KIM THANH TUẤN	DH120T	<i>Kim</i>			3,5	4,5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12154158	NGUYỄN VŨ VĂN TUỆ	DH120T	<i>Tue</i>			2,5	4,2	6,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12154011	LÊ PHÙ TÙNG	DH120T	<i>Tung</i>			3,5	4,5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12154013	LÝ KIM XÀI	DH120T	<i>Xa</i>			3,5	4,8	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: : 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Minh Thìn

Nguyễn Vũ Ngọc Thảo

Trang
Trang

Trang
Trang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nhập môn CN ôtô &TB xướng-207715

Ngày Thi : 26/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD203 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154072	LÊ ĐÌNH AN	DH130T						V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154001	VÕ TRƯỜNG AN	DH130T	K			2	4,4	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154002	BÙI TUẤN ANH	DH130T	Đinh			0,5	2,4	2,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154073	ĐẶNG TUẤN ANH	DH130T	Đặng			0,5	0	0,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154075	NGUYỄN HỒNG BẢO	DH130T	Nguyễn			1	6,4	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154004	VÕ QUỐC BẢO	DH130T	Quốc			1,5	5,1	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154076	HUYỀN ĐỨC BÌNH	DH130T	Bình			2	7,2	9,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154078	NGUYỄN THÁI BÌNH	DH130T	Thái			1,5	2,4	3,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154083	PHAN VĂN CHÂU	DH130T	V			0,5	2,4	2,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154084	TRẦN XUÂN CHÂU	DH130T	Chau			0,5	2,4	2,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154005	LƯU CÔNG CHÍ	DH130T	Chí			2	2,8	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154006	HOÀNG MINH CHUÔNG	DH130T	Chau			1,5	5,6	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154057	VÕ THÀNH CÔNG	DH100T	Thành			0,5	4	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154088	ĐÀO THIẾ CƯỜNG	DH130T	Cường			1,5	6,4	7,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154090	VŨ VĂN CƯỜNG	DH130T	Văn			1	5,2	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154007	NGUYỄN HUỲNH DUY	DH130T	Huỳnh			2	6,4	8,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154008	VŨ THANH DUY	DH130T	Thanh			2	2	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154091	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	DH130T	Dương			1,5	4,4	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nhập môn CN ôtô &TB xướng-207715

Ngày Thi : 26/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD203 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154009	NGUYỄN ĐỨC	DƯƠNG	Dung			1	4,4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154069	BÙI THÀNH	ĐÀO	Thao			2	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13154012	NGUYỄN VĂN	ĐIỀN	nguyen			1,5	2,8	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13154095	NGUYỄN HỮU	ĐOÀN	hau			1	4,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154098	LÊ TRƯỜNG	GIANG	le			0,5	4	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13154014	CAO XUÂN	GIÁP	xu			2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13154100	DƯƠNG MINH	HẢI	✓					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13154101	HỮA PHÚ	HẢI	hu			2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13154104	LÊ HỮU	HẢI	hieu			1,5	6,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13154015	NGUYỄN TẤN	HẢI	tan			2	6,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13154017	NGUYỄN VĂN	HẬU	van			1,5	0,8	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13154106	PHAN VĂN	HẬU	phan			2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13154018	HỒ THANH	HỆT	hu			2	7,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13154019	LÊ THỊ MINH	HIỀN	minh			2	8	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13154020	ĐÀU NGỌC	HIỆU	chau			1,5	6,4	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13154108	ĐỖ MINH	HIỆU	du			2	7,6	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13154021	TRẦN ĐỨC	HIỆU	tr			1,5	4,4	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13154111	HOÀNG NGỌC	HOÀI	hoang			2	2	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nhập môn CN ôtô &TB xướng-207715

Ngày Thi : 26/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154122	ĐỖ THANH HÙNG	DH130T	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154125	TRẦN KHÁI HƯNG	DH130T	huy			1	5,2	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154024	LẠI THỊ HƯƠNG	DH130T	Hương			2	6,4	8,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154127	VÕ QUỐC KHÁI	DH130T	Quốc			0,5	4,8	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154025	NGUYỄN ĐOÀN KHANG	DH130T	4025			1	6	7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154126	NGUYỄN VŨ KHANG	DH130T	Khong			2	4,8	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154131	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH130T	Imk			1,5	4,8	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154027	NGUYỄN LÊ ANH	DH130T	An			0,5	1,6	2,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154029	HUỲNH VŨ KIẾT	DH130T	Kiet			1,5	4,4	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154135	NGUYỄN TẤN LÂM	DH130T	Xam			2	6,4	8,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154030	PHẠM VĂN LÂM	DH130T	Pham			2	4,4	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154139	NGUYỄN ĐỨC LINH	DH130T	Tu			0,5	1,6	2,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154141	NGUYỄN THÀNH LONG	DH130T	Long			2	5,2	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154032	TRƯƠNG THÀNH LONG	DH130T	Long			1,5	6,8	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154142	CÁI THANH LỘC	DH130T	Th			2	5,6	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154143	ĐINH TỬ LỘC	DH130T	Lo			0,5	0,8	1,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154033	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	DH130T	Ph			1,5	2,4	3,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154259	TRẦN KIM LỘC	DH120T	Lo			0,5	5,2	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nhập môn CN ôtô &TB xướng-207715

Ngày Thi : 26/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154144	ĐOÀN LỢI	DH130T	<i>Đoàn Lợi</i>			1,5	5,6	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154145	HUỖNH NGỌC	LỢI	<i>Huỳnh Ngọc</i>			2	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13154035	CHÂU VĨNH	MINH	<i>Châu Vĩnh</i>			2	7,6	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13154036	NGUYỄN HOÀNG	MINH	<i>Nguyễn Hoàng</i>			2	6,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154147	NGUYỄN VĂN	MINH	<i>Nguyễn Văn</i>			2	6,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13154037	NGUYỄN VĂN	NAM	<i>Nguyễn Văn</i>			1,5	5,2	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13154149	VÕ TẤN	NGA	<i>Võ Tấn</i>			1	6,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13154039	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	<i>Nguyễn Văn</i>			2	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13154041	PHẠM HOÀNG	NHU	<i>Phạm Hoàng</i>			2	6,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13154042	NGUYỄN VĂN	PHI	<i>Nguyễn Văn</i>			2	8	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13154044	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	<i>Nguyễn Thành</i>			1	1,6	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13154045	TĂNG HỒNG	PHÚC	<i>Tăng Hồng</i>			1	2,4	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13154046	VĂN VŨ HOÀNG	PHÚC	<i>Văn Vũ Hoàng</i>			2	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13154047	HÀ ANH	QUÂN	<i>Hà Anh</i>			0,5	4,8	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13154163	ĐÀO TRẦN PHÚ	QUỐC	<i>Đào Trần Phú</i>			1,5	6	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154235	NGUYỄN ĐÌNH	QUÝ	<i>Nguyễn Đình</i>			1,5	6,8	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13154165	NGUYỄN DUY	QUYÊN	<i>Nguyễn Duy</i>			0,5	2,4	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12154089	NGUYỄN VĂN	SANG	<i>Nguyễn Văn</i>			2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nhập môn CN ôtô &TB xường-207715

Ngày Thi : 26/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD301 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154166	TRẦN VĂN SÁU	DH130T	Sáu			2	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154167	NGUYỄN TRẦN ANH	DH130T	Anh			2	3,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154050	NGÔ VĂN SỰ	DH130T	Sự			2	7,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154052	LÊ TRUNG TÁ	DH130T	Tá			2	7,6	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154051	NGÔ TẤN TÀI	DH130T	Tài			2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154177	ĐINH MAI BẮC	DH130T	Bắc			0,5	1,2	1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154041	ĐỖ TẤN THÁI	DH100T	Thái			0,5	3,2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154053	HÀ CHÍ THANH	DH130T	Thanh			2	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154174	TRẦN DUY	DH130T	Duy			2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154055	TRƯƠNG NGỌC THIÊN	DH130T	Thiên			1,5	5,2	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154056	VÕ HOÀN THIÊN	DH130T	Thiên			1,5	4,8	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154059	NGUYỄN MINH THÔNG	DH130T	Thông			1,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154060	NGUYỄN LÂM THUẬN	DH130T	Thuận			1,5	5,6	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154185	ĐINH NGỌC THỨC	DH130T	Thức			0,5	4,8	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154186	LỮ MINH TIẾN	DH130T	Tiến			2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154187	PHẠM TRUNG TÍN	DH130T	Tín			2	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154062	HUỖNH QUANG TRẠNG	DH130T	Trang			0,5	2,4	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154188	NGUYỄN DUY TRẦN	DH130T	Trần			2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nhập môn CN ôtô &TB xường-207715

Ngày Thi : 26/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD301 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154063	TRẦN MINH	TRÍ	Dub			0,5	2,4	2,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13154065	NGUYỄN VĂN	TRUNG	T			2	3,2	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13154198	LÊ ANH	TUẤN	Tu			0,5	4,8	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	13154201	TRẦN ANH	TUẤN	Th			0,5	0,8	1,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13154205	NGUYỄN VĂN	ÚT	U			2	7,2	9,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13154207	VÕ THANH	VÂN	Qh			2	5,6	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	13154068	PHẠM HIẾN	VINH	Ph			2	5,6	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	13154069	NGUYỄN TUẤN	VŨ	Nt			2	5,6	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	13154070	NGUYỄN VŨ HOÀNG	VŨ	L			1,5	6,4	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12154013	LÝ KIM	XÀI	Lk			1,5	6,4	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện: : 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Minh Hiền

Thái Văn Tuấn

Đặng Kiều Dung

Bùi Công Khanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Ôtô sử dụng năng lượng mới-207717

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD204 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154022	BÙI NGỌC	AN	DH120T	An		15 4	25 3	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154181	HOÀNG LÊ	ANH	DH120T	Anh		5	5	4.0	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154127	HỒ BẢO	ANH	DH120T	Bao		5	7	4.0	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154076	NGUYỄN LÊ TÚ	ANH	DH120T	Anh		8	7	4.25	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154034	TRẦN TUẤN	ANH	DH120T	Tuan		0	0	1.75	1.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154026	VÕ QUANG	BÌNH	DH120T	Binh		5	5	2.5	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	CHÍNH	DH120T	Chinh		3	4	2.25	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154052	NGUYỄN QUỐC	CÔNG	DH120T	Cong		6	7	4.75	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154225	LÊ MINH	CƯỜNG	DH120T	Cuong		6	6	2.75	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154039	TRẦN TIẾN	DŨNG	DH120T	Tien		6	5	2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154063	BÙI THÀNH	DUY	DH120T	Thanh		5	4	0.25	1.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154062	ĐỖ VĂN	DUY	DH120T	Duy		5	6	2.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154059	NGUYỄN HOÀNG	DUY	DH120T	Hong		4	4	3.25	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154060	NGUYỄN THÁI	DUY	DH120T	Thai		7	6	5.5	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154069	BÙI THÀNH	ĐÁO	DH120T	Thanh		5	6	3.5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154055	LÂM HỒNG	ĐẠT	DH120T	Hong		7	8	4.5	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154205	NGÔ HỒ	DIỆP	DH120T	Hoi		7	4	4.75	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG	ĐÔNG	DH120T	Phuong		8	6	2.75	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Ôtô sử dụng năng lượng mới-207717

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD204 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						15	25				
19	12154003	ĐẶNG VĂN ỨT	EM	DH120T		6	5	2.75	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154226	KIỀU VĂN	HẬN	DH120T		6	6	4.0	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154112	NGUYỄN CÔNG	HẬU	DH120T		6	6	2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154092	NGUYỄN ĐỨC	HIỂN	DH120T		8	8	4.0	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154229	HỒ VĂN	HIỂN	DH120T		9	7	4.5	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154104	ĐẶNG NGỌC	HÒA	DH120T		7	6	2.0	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154222	LÊ QUANG	HÒA	DH120T		6	5	2.75	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154082	NGUYỄN THANH	HÒA	DH120T		7	4	2.25	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154032	CAO VĂN	HOAN	DH120T		0	2	2	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154086	HUỖNH MINH	HUY	DH120T		6	4	3.5	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154231	THÁI XUÂN	HUY	DH120T		7	6	2.5	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154015	NGUYỄN THIÊN	KHÁI	DH120T		6	6	3.0	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154066	TRẦN CÔNG	KHANG	DH120T		4	6	2.5	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154120	BÙI NGỌC	KHOA	DH120T		7	7	4.0	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154143	LƯU TẤN	KIỆT	DH120T		3	5	3.25	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154232	NGUYỄN VIỆT	LÂM	DH120T		4	4	3.25	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12154249	PHAN THÀNH	LÂM	DH120T		5	6	3.5	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12154237	NGUYỄN CHÁNH	LÂN	DH120T		6	5	3.0	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Ôtô sử dụng năng lượng mới-207717

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD204 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	12154128	ĐOÀN XUÂN	LỘC	DH12OT	15	8	6	4.0	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	12154259	TRẦN KIM	LỘC	DH12OT	3	3	5	1.75	3.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 00 Hiện diện: : 38

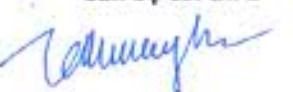
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Quang Tri


Nguyễn Đức Cảnh


Vương Đức Bổng


Nguyễn Đức Cảnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Ôtô sử dụng năng lượng mới-207717

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD301 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						15	25				
1	12154240	NGUYỄN THANH LƯƠNG	DH120T			7	7	2.75	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154113	LÊ ĐẠI NGHĨA	DH120T			5	6	1.5	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154138	MAI THÀNH NHÂN	DH120T			6	5	0.75	2.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154152	NGUYỄN TẤN PHÁT	DH120T			7	5	3.75	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12115150	PHẠM CÔNG PHÚ	DH120T			8	6	4.5	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154167	NGUYỄN VĂN QUẢ	DH120T			5	6	4.0	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154247	NGUYỄN CHÁNH QUANG	DH120T			5	5	2.5	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154032	ĐỖ VĂN QUÝ	DH100T			7	7	3.25	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154008	NGUYỄN CHÚC QUYÊN	DH120T			7	5	0.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154171	TRƯƠNG MINH SANG	DH120T			7	8	3.5	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154173	LÊ VĂN SƠN	DH120T			6	5	4.0	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154035	HỒ THÁI OANH SỸ	DH100T			0	4	2.25	3.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154083	LÊ THANH TÂM	DH120T			9	8	5.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154132	NGUYỄN MINH TÂN	DH120T			6	5	2.75	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154134	PHAN DUY THANH	DH120T			6	6	3.75	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154180	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH120T			6	3	4.25	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154179	TRẦN TRUNG THÀNH	DH120T			4	6	2.5	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154186	LÊ QUÝ THIỆU	DH120T			7	8	3.25	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Ôtô sử dụng năng lượng mới-207717

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD301 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						15	25				
19	12154193	VÕ MẠNH	TÍNH	DH12OT		7	7	2.25	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154197	TRẦN NGỌC	TOÀN	DH12OT		3	4	2.5	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154199	NGUYỄN THANH	TÔNG	DH12OT		7	6	0.75	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10154049	DƯƠNG MẠNH	TRÍ	DH10OT		4	3	3.25	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154043	DƯƠNG NHẬT	TRƯỜNG	DH12OT		3	6	4.25	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154124	TRƯỜNG THANH	TRƯỜNG	DH12OT		5	5	2.25	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154065	ĐÌNH LÊ HOÀNG	TUẤN	DH12OT		7	6	3.25	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154154	KIM THANH	TUẤN	DH12OT						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154011	LÊ PHÚ	TÙNG	DH12OT		8	7	1.5	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154013	LÝ KIM	XÁI	DH12OT		8	6	2.5	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: : 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

LÊ QUANG HIỀN

Võ Thị Bông

Nguyễn Đức Cảnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực tập động cơ Ôtô - 01-207723

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12115150	PHẠM CÔNG	PHÚ	DH12OT					3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154013	LÝ KIM	XÁI	DH12OT					3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154050	QUẢNG THIÊN	CHƯƠNG	DH12OT					8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154055	LÂM HỒNG	ĐẠT	DH12OT					8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154059	NGUYỄN HOÀNG	DUY	DH12OT					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154060	NGUYỄN THÁI	DUY	DH12OT					9,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154070	VŨ HỮU	NGHĨA	DH12OT					9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154075	NGUYỄN TẤT	ĐẠT	DH12OT					7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154082	NGUYỄN THANH	HÒA	DH12OT					6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154092	NGUYỄN ĐỨC	HIỀN	DH12OT					6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154102	TRẦN TUẤN	HOÀNG	DH12OT					6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154110	TRẦN DUY	HÙNG	DH12OT					9,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154167	NGUYỄN VĂN	QUÁ	DH12OT					7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154172	TRẦN VĂN	SĨ	DH12OT					6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154187	NGUYỄN QUỐC	THỊNH	DH12OT					8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154193	VŨ MẠNH	TÍNH	DH12OT					8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154197	TRẦN NGỌC	TOÀN	DH12OT					3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154199	NGUYỄN THANH	TÔNG	DH12OT					7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực tập động cơ Ôtô - 01-207723

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154204	VAN NGOC	TINH	DH12OT					3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12154205	NGO HO	DIEP	DH12OT					5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12154222	LE QUANG	HOA	DH12OT					7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trịnh Nguyên


Phan Minh Hiền


Chi h. Huân


Nguyễn Trịnh Nguyên


Phan Minh Hiền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực tập động cơ Ôtô - 02-207723

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyễn (100)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154011	LÊ PHÚ TÙNG	DH12OT						6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12154030	LÊ QUỐC BẢO	DH12OT						5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12154034	TRẦN TUẤN ANH	DH12OT						3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12154039	TRẦN TIẾN DŨNG	DH12OT						3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỞNG	DH12OT						7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12154052	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH12OT						3,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12154062	ĐỖ VĂN DUY	DH12OT						3,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12154063	BÙI THÀNH DUY	DH12OT						3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12154086	HUỖNH MINH HUY	DH12OT						3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12154089	NGUYỄN VĂN SANG	DH12OT						5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12154107	HỒ CÔNG HUY	DH12OT						9,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12154122	NGUYỄN XUÂN PHONG	DH12OT						7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12154132	NGUYỄN MINH TÂN	DH12OT						8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12154134	PHAN DUY THANH	DH12OT						9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12154154	KIM THANH TUẤN	DH12OT						6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12154164	TRẦN XUÂN QUANG	DH12OT						3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12154173	LÊ VĂN SƠN	DH12OT						8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12154192	TRẦN VĂN TIẾN	DH12OT						6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực tập động cơ Ôtô - 02-207723

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyễn (100)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154198	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH120T						3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12154227	HỒ THANH HỮU	DH120T						7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12154232	NGUYỄN VIỆT LÂM	DH120T						3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	DH120T						9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 0 Hiện diện: 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Handwritten signature: Bùi Công Hành

Handwritten signature: Phan Minh Hiền

Handwritten signature: Trịnh Nguyễn
Handwritten signature: Đinh Hiền

Handwritten signature: Bùi Công Hành

Handwritten signature: Phan Minh Hiền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực tập động cơ Ôtô - 03-207723

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11154007	ĐẶNG MINH HOÀNG	DH110T						5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154053	HUỖNH THANH TÙNG	DH110T						6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154032	CAO VĂN HOAN	DH120T						3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154083	LÊ THANH TÂM	DH120T						8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154113	LÊ ĐẠI NGHĨA	DH120T						8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154120	BÙI NGỌC KHOA	DH120T						3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154124	TRƯƠNG THANH TRƯỜNG	DH120T						3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154128	ĐOÀN XUÂN LỘC	DH120T						7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154142	NGUYỄN DOãn LỘC	DH120T						6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154143	LƯU TẤN KIẾT	DH120T						7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154147	PHẠM HUỖNH ĐẠT NHẤN	DH120T						6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154158	NGUYỄN VŨ VĂN TUỆ	DH120T						9,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154163	ĐÀO THANH PHƯỚC	DH120T						6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154171	TRƯƠNG MINH SANG	DH120T						9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154179	TRẦN TRUNG THÀNH	DH120T						9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154206	PHẠM HÙNG QUYỀN	DH120T						6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154225	LÊ MINH CƯỜNG	DH120T						9,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154226	KIỀU VĂN HÂN	DH120T						6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực tập động cơ Ôtô - 03-207723

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154231	THÁI XUÂN HUY	DH12OT						6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12154247	NGUYỄN CHÁNH QUANG	DH12OT						7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12154249	PHAN THÀNH LÂM	DH12OT						6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: : 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Phan Minh Hiếu


Lê Quang Trí


Phan Minh Hiếu


Phan Minh Hiếu


Bùi Công Hành

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực tập động cơ Ôtô - 04-207723

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phân nguyên	Tô tròn điểm phân lẻ
1	10154034	NGUYỄN PHƯỚC	SCN	DH100T					8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154035	HỒ THÁI OANH	SỸ	DH100T					6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154049	DƯƠNG MẠNH	TRÍ	DH100T					9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154002	ĐOÀN MÃN	ĐẠT	DH120T					8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154016	NGUYỄN DUY	KHÁNH	DH120T					6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154058	PHẠM TRỌNG	ĐẠT	DH120T					6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154065	ĐINH LÊ HOÀNG	TUẤN	DH120T					3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154069	BÙI THÀNH	ĐẢO	DH120T					7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154076	NGUYỄN LÊ TÚ	ANH	DH120T					9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154104	ĐẶNG NGỌC	HÒA	DH120T					6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154127	HỒ BẢO	ANH	DH120T					9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154138	MAI THÀNH	NHÂN	DH120T					3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154152	NGUYỄN TẤN	PHÁT	DH120T					8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154180	NGUYỄN VĂN	THÀNH	DH120T					6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154182	PHAN DUY	THẨM	DH120T					7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154186	LÊ QUÝ	THIỆU	DH120T					6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154194	NGUYỄN HỮU	PHÚC	DH120T					6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154229	HỒ VĂN	HIỀN	DH120T					9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực tập động cơ Ôtô - 04-207723

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154236	TRỊNH THANH SON	DH12OT						6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12154239	NGUYỄN VĂN LUÂN	DH12OT						3,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12154240	NGUYỄN THANH LƯƠNG	DH12OT						3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Quang Thi


Phan Minh Hiếu


Phan Minh Hiếu


Phan Minh Hiếu


Phan Minh Hiếu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực tập động cơ Ôtô - 06-207723

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154003	ĐẶNG VĂN ÚT	EM	DH12OT					5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154005	LÊ TẤN	HOÀN	DH12OT					7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154008	NGUYỄN CHỨC	QUYÊN	DH12OT					3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154015	NGUYỄN THIÊN	KHÁI	DH12OT					3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154018	NGUYỄN VĂN	TRẠNG	DH12OT					7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154020	HUỶNH THANH	PHÙNG	DH12OT					5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154022	BÙI NGỌC	AN	DH12OT					6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154026	VÕ QUANG	BÌNH	DH12OT					3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154037	TRẦN THIÊN	ẤN	DH12OT					9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	CHÍNH	DH12OT					6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154066	TRẦN CÔNG	KHANG	DH12OT					9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG	ĐÔNG	DH12OT					7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154090	TRẦN HỮU	PHƯƠNG	DH12OT					6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154109	TRẦN QUỐC	SƠN	DH12OT					5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154112	NGUYỄN CÔNG	HẬU	DH12OT					9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154118	NGUYỄN BÌNH	KHÁNH	DH12OT					6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154133	NGUYỄN MINH	TÂN	DH12OT					9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154144	TRẦN XUÂN	NGỌC	DH12OT					7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực tập động cơ Ôtô - 06-207723

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH120T						9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12154190	TRẦN VĂN CHINH	DH120T						3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12154237	NGUYỄN CHÁNH LÂN	DH120T						6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12154259	TRẦN KIM LỘC	DH120T						7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 0 Hiện diện: 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Quang Trí


Phan Minh Hiền


Chi M. Huân


Lê Quang Trí


Phan Minh Hiền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực tập xí nghiệp - 01-207727

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	10154049	DƯƠNG MẠNH TRÍ	DH100T						8,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	11154001	TRẦN THẾ AN	DH110T						9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	11154002	NGUYỄN TUẤN ANH	DH110T						9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	11154004	NGUYỄN THÀNH CÔNG	DH110T						9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	11154009	ĐINH CÔNG LỰC	DH110T						8,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	11154010	NÔNG TRỌNG NGHĨA	DH110T						8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	11154012	NGUYỄN THANH PHONG	DH110T						8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	11154013	NGÔ VĂN QUYẾT	DH110T						8,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	11154014	UNG NGỌC QUÝ	DH110T						8,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	11154015	THÔNG PHỖ SẦU	DH110T						8,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	11154016	TRƯƠNG CHÍ TÂM	DH110T						9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH TÂN	DH110T						8,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	11154019	TRƯƠNG HỮU THIÊN	DH110T						8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	11154020	VŨ TRẦN TIẾN	DH110T						8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	11154021	ĐẶNG QUỐC TRÍ	DH110T						8,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	11154024	LÊ PHÚC CƯỜNG	DH110T						8,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	11154028	LÊ ANH NGUYỄN	DH110T						8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	11154031	NGUYỄN CHÍ TRAI	DH110T						8,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực tập xi nghiệp - 01-207727

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11154033	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11OT						8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11154034	ĐÌNH QUỐC	DH11OT						8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11154035	LÊ HUY	DH11OT						8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11154038	NGUYỄN CAO VĨNH	DH11OT						8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11154041	VŨ ĐÌNH	DH11OT						8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11154042	NGÔ HOÀNG	DH11OT						8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11154044	TRẦN MINH	DH11OT						8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11154045	CHU ĐỨC	DH11OT						8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11154046	NGUYỄN TRỌNG	DH11OT						8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11154047	NGUYỄN LÊ DUY	DH11OT						8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11154048	BÙI MINH	DH11OT						9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11154052	PHAN THANH	DH11OT						8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11154054	PHẠM NHƯ	DH11OT						8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11154055	CHÂU NGỌC	DH11OT						8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11154056	NGUYỄN TÂM	DH11OT						8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11154057	NGÔ TRÍ	DH11OT						8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11154058	LÊ VĂN	DH11OT						8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11154059	LÊ XUẤT	DH11OT						8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực tập xí nghiệp - 01-207727

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	11154061	NGUYỄN ANH TUẤN	DH11OT						8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	11154062	NGUYỄN MINH TIẾN	DH11OT						8,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	11154063	TRẦN HOÀNG HUY	DH11OT						8,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỜNG	DH12OT						8,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 40

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Phan Minh Hiếu


Lê Quang Trí


Phan Minh Hiếu


Phan Minh Hiếu


Lê Quang Trí

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Khóa luận tốt nghiệp - 01-207729

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11154002	NGUYỄN TUẤN	ANH	DH11OT					8.3		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	11154004	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	DH11OT					8.3		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	11154009	ĐINH CÔNG	LỰC	DH11OT					8.1		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	11154010	NÔNG TRỌNG	NGHĨA	DH11OT					8.1		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	11154013	NGÔ VĂN	QUYẾT	DH11OT					8.6		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	11154015	THÔNG PHỐ	SẦU	DH11OT					8.2		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	11154016	TRƯƠNG CHÍ	TÂM	DH11OT					8.4		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	11154021	ĐẶNG QUỐC	TRÍ	DH11OT					8.7		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	11154024	LÊ PHÚC	CƯỜNG	DH11OT					8.0		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	11154028	LÊ ANH	NGUYỄN	DH11OT					8.2		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	11154033	NGUYỄN VĂN	HÓA	DH11OT					8.0		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	11154034	ĐINH QUỐC	TRUNG	DH11OT					8.4		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	11154035	LÊ HUY	HÙNG	DH11OT					8.0		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	11154038	NGUYỄN CAO VINH	KHƯƠNG	DH11OT					8.5		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	11154047	NGUYỄN LÊ DUY	PHÁT	DH11OT					8.8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	11154048	BÙI MINH	THIỆN	DH11OT					8.1		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	11154055	CHÂU NGỌC	HIỆP	DH11OT					8.2		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	11154056	NGUYỄN TÂM	HỌC	DH11OT					7.8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Khóa luận tốt nghiệp - 01-207729

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11154057	NGÔ TRÍ HỮU	DH110T						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	11154059	LÊ XUẤT THÂN	DH110T						8.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	11154062	NGUYỄN MINH TIẾN	DH110T						8.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	11154063	TRẦN HOÀNG HUY	DH110T						7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Thị Hồng Xuân

Cán bộ chấm thi 1

Hạnh
Bùi Công Hạnh

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Long Nguyễn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : CS thí nghiệm & kiểm định Ôtô-207730

Ngày Thi : 17/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11154001	TRẦN THẾ AN	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		6,5	8.	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09154024	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH09OT17	<i>[Signature]</i>	V	V			V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11154060	ĐOÀN THẾ LUÂN	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		7	7,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154042	NGÔ HOÀNG LUÂN	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		5	7	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11154045	CHU ĐỨC MINH	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		7	6	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154041	VŨ ĐÌNH NHINH	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		5	8,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154046	NGUYỄN TRỌNG NHON	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		8	8,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154012	NGUYỄN THANH PHONG	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		5	6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154014	UNG NGỌC QUÝ	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH TÂN	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		5	6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154044	TRẦN MINH THANH	DH11OT	<i>[Signature]</i>	1		5	6,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		7	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154019	TRƯƠNG HỮU THIỆN	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		5	7	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154020	VŨ TRẦN TIẾN	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		7	7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11154031	NGUYỄN CHÍ TRAI	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		6,5	9	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154049	DƯƠNG MẠNH TRÍ	DH10OT	<i>[Signature]</i>	1		7	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11154052	PHAN THANH TRUNG	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2		5	8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154061	NGUYỄN ANH TUẤN	DH11OT	<i>[Signature]</i>	V	V			V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : CS thí nghiệm & kiểm định Ôtô-207730

Ngày Thi : 17/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tử	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11154054	PHẠM NHƯ VĂN	DH110T		2		7	9	8,2	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Bui Cong Hanh

Nguyễn Thanh Phong

Aung Kien Dwy

Bui Cong Hanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : LT kết cấu & tính toán ô tô-207731

Ngày Thi : 26/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11154001	TRẦN THẾ AN	DH11OT		20	0,6	2,8	1,8	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08154052	NGUYỄN QUANG KHÁNH	DH08OT17							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11154050	ĐOÀN THẾ LUÂN	DH11OT			0,6	3,2	2,2	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154042	NGÔ HOÀNG LUÂN	DH11OT			1,4	2,8	0,6	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	08154017	SẦN SƯỜ	DH08OT17							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154045	CHU ĐỨC MINH	DH11OT			1,0	2,8	1,8	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154041	VŨ ĐÌNH NHINH	DH11OT			2,0	2,8	2,4	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154046	NGUYỄN TRỌNG NHƠN	DH11OT			1,0	2,8	1,8	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154012	NGUYỄN THANH PHONG	DH11OT			1,0	2,4	2,2	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154014	UNG NGỌC QUÝ	DH11OT			1,0	2,8	1,8	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH TÂN	DH11OT			1,0	2,8	2,0	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154044	TRẦN MINH THANH	DH11OT			1,0	2,4	2,0	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH11OT			2,0	2,0	1,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154019	TRƯƠNG HỮU THIỆN	DH11OT			2,0	2,8	2,2	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11154020	VŨ TRẦN TIẾN	DH11OT			1,0	2,8	1,6	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154031	NGUYỄN CHÍ TRAI	DH11OT			1,0	3,2	3,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154049	DƯƠNG MẠNH TRÍ	DH10OT			1,0	2,8	1,8	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154052	PHAN THANH TRUNG	DH11OT			1,0	2,8	2,0	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : LT kết cấu & tính toán ô tô-207731

Ngày Thi : 26/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11154061	NGUYỄN ANH TUẤN	DH110T							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	11154054	PHẠM NHƯ VÂN	DH110T		1,4	2,0	1,6	5,0		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 03

Hiện diện: 12

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

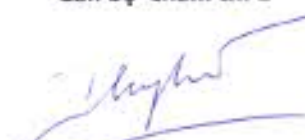
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Chi Hong Xuan


Ng Hai Dang


Anh Kien Duong


Chi Hong Xuan